



**GIẢI PHÁP NÂNG CAO VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO  
TRONG NGÀNH KẾ TOÁN TẠI VIỆT NAM**  
**PROPOSED SOLUTIONS FOR ENHANCING THE APPLICATION  
OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN VIETNAM'S ACCOUNTING  
INDUSTRY**

**Nguyễn Thị Thu Hậu\***

Trường Đại học Bạc Liêu  
\* ntthuhau@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:  
28/5/2025

Ngày chấp nhận đăng:  
20/6/2025

**ABSTRACT**

Nowadays, the continuous development of technology has influenced and transformed all professions, including accounting, through the impact of Artificial Intelligence (AI). Accounting is a profession that requires meticulousness and integrity in recording daily economic transactions and providing information to stakeholders through accounting reports. AI has gradually replaced accountants in routine accounting tasks. This paper focuses on analyzing the theoretical foundations of AI application in the accounting field, assessing the current state of AI adoption in Vietnam, and proposing solutions to enhance the effectiveness of AI technology in the accounting sector using a qualitative research approach. Accordingly, the paper contributes practical solutions suited to the specific characteristics of the accounting industry in Vietnam. The proposed solutions revolve around four key factors affecting AI application in Vietnamese accounting: competitive pressure, organizational culture, information organization, and resources.

**Keywords:** Artificial intelligence, accounting, Vietnam.

**TÓM TẮT**

Ngày nay, sự phát triển không ngừng của công nghệ đã làm cho tất cả các ngành nghề đều bị chi phối và ảnh hưởng bởi trí tuệ nhân tạo (AI) trong đó có ngành kế toán. Kế toán là một ngành nghề đòi hỏi sự tỉ mỉ và trung thực ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày và cung cấp thông tin cho các đối tượng cần quan tâm thông qua các báo cáo kế toán. AI đã thay thế dần kế toán trong công việc kế toán hàng ngày. Bài báo này tập trung vào việc phân tích cơ sở lý luận về ứng dụng AI trong lĩnh vực kế toán, đánh giá thực trạng áp dụng tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công nghệ AI trong ngành kế toán thông qua phương pháp nghiên cứu định tính. Qua đó, bài báo đã đóng góp được những giải pháp thiết thực phù hợp với đặc thù của ngành kế toán tại Việt Nam. Các giải pháp được đề xuất xoay quanh 4 nhân tố tác động đến việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến ngành kế toán tại Việt Nam: Áp lực cạnh tranh, văn hóa tổ chức, tổ chức thông tin và nguồn lực.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo, kế toán, Việt Nam.

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực trong nhiều ngành nghề, trong đó có kế toán. Với khả năng xử lý lượng lớn dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác, AI đã và đang được ứng dụng trong các nghiệp vụ kế toán như ghi nhận giao dịch, kiểm tra hóa đơn, phân tích rủi ro và dự báo tài chính (Mancini và cộng sự, 2021).

Việc ứng dụng AI trong kế toán không chỉ nâng cao năng suất làm việc, mà còn giúp cải thiện chất lượng thông tin và khả năng ra quyết định (Jin và cộng sự, 2022; Mancini và cộng sự, 2021). Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, đã bắt đầu thử nghiệm ứng dụng AI trong hoạt động kế toán. Tuy nhiên, mức độ áp dụng vẫn còn hạn chế, chủ yếu do rào cản về kỹ thuật, tài chính và văn hóa tổ chức (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2024; Đỗ Thị Thu Thủy, 2021).

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, số lượng doanh nghiệp áp dụng AI vào kế toán vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng thể. Theo số liệu thống kê từ Báo cáo Chuyên đổi số Quốc gia năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ khoảng 8% doanh nghiệp sử dụng các công nghệ thông minh trong lĩnh vực kế toán-tài chính. Đặc biệt, ở nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), việc tiếp cận công nghệ hiện đại như AI vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, thiếu chuyên gia và hạn chế nhận thức về hiệu quả lâu dài của chuyển đổi số.

Tại Việt Nam, sự chuyển đổi số đang thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động kế toán. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Phú & Hồ Thị Phi Yến (2022), AI và công nghệ blockchain đang tạo ra những thay đổi căn bản trong nghề kế toán và kiểm toán, đặc biệt ở các công ty lớn. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong kế toán tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức, bao gồm thiếu nguồn lực, kỹ năng, sự chấp nhận văn hóa tổ chức và sự hỗ trợ chính sách (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2024).

Mặc dù các nghiên cứu định tính trước đây đã thảo luận về tiềm năng và thách thức của AI trong kế toán Việt Nam, vẫn còn thiếu các bằng chứng định lượng và đề xuất giải pháp cụ thể từ

thực tiễn (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2024; Đỗ Thị Thu Thủy, 2021). Do đó, bài viết này được thực hiện với mục tiêu từ việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng AI trong ngành kế toán, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của việc áp dụng công nghệ này.

Tính cấp thiết của nghiên cứu không chỉ xuất phát từ yêu cầu đổi mới hoạt động kế toán trong kỷ nguyên công nghệ mà còn từ thực trạng chậm đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam. Việc chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng mà AI mang lại đang khiến ngành kế toán bỏ lỡ cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, các giải pháp nâng cao việc ứng dụng AI từ nghiên cứu về các yếu tố tác động đến quá trình ứng dụng AI trong bối cảnh Việt Nam càng nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện một nghiên cứu có hệ thống, dựa trên dữ liệu thực tiễn.

Trên cơ sở đó, bài viết lựa chọn đề tài “**Giải pháp nâng cao việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam**” nhằm cung cấp một cái nhìn toàn diện về thực trạng, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong kế toán thông qua các nghiên cứu trước, đồng thời đưa ra các giải pháp phù hợp với đặc thù doanh nghiệp Việt Nam. Bài viết không chỉ đóng góp về mặt lý luận trong lĩnh vực kế toán-công nghệ, mà còn mang lại ý nghĩa thực tiễn cho nhà hoạch định chính sách, các tổ chức nghề nghiệp và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia một cách bền vững và hiệu quả.

## 2. Nội dung

### 2.1. Cơ sở lý luận về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán

AI là công nghệ cho phép máy móc thực hiện các chức năng học hỏi, lập luận và tự điều chỉnh để hỗ trợ ra quyết định (Shalev-Shwartz & Ben-David, 2014). Trong lĩnh vực kế toán, AI giúp xử lý lượng lớn dữ liệu tài chính, phát hiện gian lận và tự động hóa các tác vụ định kỳ (Ghura & Harraf, 2021).

AI là một nhánh của khoa học máy tính, tập trung vào việc phát triển các hệ thống có thể thực

hiện các nhiệm vụ yêu cầu trí thông minh của con người như học tập, phân tích, lý luận và ra quyết định. Trong lĩnh vực kế toán, AI được ứng dụng trong các nghiệp vụ như kiểm tra hóa đơn, phân loại chứng từ, dự báo tài chính và phân tích rủi ro (Ghura & Harraf, 2021; Jin và cộng sự, 2022).

Việc áp dụng AI vào kế toán mang lại nhiều lợi ích đáng kể, như giảm thiểu sai sót, tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao độ chính xác và tính minh bạch của báo cáo tài chính (Alsheiabni và cộng sự, 2019; Maione & Leoni, 2021). AI giúp các kế toán viên tập trung vào các nhiệm vụ chiến lược hơn thay vì các công việc thủ công.

Tuy nhiên, AI cũng đặt ra nhiều thách thức. Wael và cộng sự (2023) chỉ ra rằng sự thiếu hụt nguồn lực, kỹ năng công nghệ và sự phản kháng từ nhân sự kế toán là những rào cản lớn đối với việc ứng dụng AI. Ngoài ra, vấn đề đạo đức và bảo mật dữ liệu cũng là các lo ngại phổ biến (Uyar & Kılıç, 2021).

Về mặt lý thuyết, mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model- TAM) được xem là khung lý thuyết nền tảng trong việc lý giải hành vi sử dụng công nghệ trong kế toán (Ma & Liu, 2004). TAM bao gồm các yếu tố như nhận thức về tính dễ sử dụng, nhận thức về tính hữu ích, thái độ và hành vi sử dụng thực tế. Gần đây, mô hình UTAUT (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology) cũng được nhiều nghiên cứu áp dụng nhằm phân tích sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận công nghệ như AI (Venkatesh và cộng sự, 2003; Dwivedi và cộng sự, 2019).

Việc sử dụng TAM và UTAUT trong bối cảnh kế toán không chỉ giúp xác định các yếu tố cản trở và thúc đẩy việc áp dụng AI mà còn làm rõ vai trò của các yếu tố tổ chức như văn hóa, cơ sở hạ tầng công nghệ và nguồn lực tài chính trong quá trình chuyển đổi công nghệ.

Ứng dụng AI trong ngành kế toán đã và đang được quan tâm khi mang lại nhiều lợi ích như cải thiện hiệu suất làm việc, tăng tính chính xác trong quá trình xử lý số liệu và hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu. Các hệ thống AI được thiết kế không chỉ để thực hiện các tác vụ tự động mà

còn có khả năng “học” từ dữ liệu và điều chỉnh theo từng bối cảnh sử dụng nhằm tối ưu hóa quy trình làm việc.

Theo các nghiên cứu hiện có, AI giúp nâng cao trải nghiệm học tập và tăng cường tương tác giữa người học và hệ thống, đặc biệt trong lĩnh vực kế toán-nơi mà việc hiểu sâu các khái niệm và nguyên tắc kế toán là vô cùng quan trọng.

Trên bình diện lý thuyết, ứng dụng AI trong kế toán không chỉ dừng lại ở việc tự động hoá các quy trình xử lý số liệu mà còn mở ra cơ hội cho việc phát triển các mô hình dự báo tài chính, phân tích rủi ro và phát hiện gian lận-từ đó hỗ trợ các nhà quản trị và kiểm toán đưa ra các quyết định chính xác và kịp thời.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng AI vào lĩnh vực kế toán chịu tác động bởi nhiều yếu tố có tính hệ thống và liên ngành. Dựa trên tổng quan lý thuyết và các công trình nghiên cứu trước, có thể phân loại các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng AI trong kế toán thành bốn nhóm chính: Áp lực cạnh tranh, văn hóa tổ chức, tổ chức thông tin và nguồn lực.

### **Nhân tố áp lực cạnh tranh**

Theo lý thuyết về đổi mới công nghệ (Innovation Diffusion Theory - Rogers, 2003) và lý thuyết cấu trúc ngành (Porter, 1985), áp lực cạnh tranh được xem là động lực quan trọng thúc đẩy các tổ chức cải tiến quy trình và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh. Trong lĩnh vực kế toán, các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường có mức độ cạnh tranh cao thường có xu hướng đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ hiện đại như AI để tối ưu hóa chi phí, nâng cao tốc độ xử lý và cải thiện chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

### **Nhóm nhân tố văn hóa tổ chức**

Văn hóa tổ chức phản ánh hệ thống giá trị, niềm tin và thái độ chung của doanh nghiệp đối với đổi mới và công nghệ. Lý thuyết chấp nhận công nghệ tổ chức (Technology-Organization-Environment - TOE, Tornatzky & Fleischer, 1990) chỉ ra rằng văn hóa hỗ trợ đổi mới là điều kiện then chốt để đảm bảo quá trình chuyển đổi công nghệ

thành công. Các tổ chức có văn hóa cởi mở, linh hoạt, sẵn sàng học hỏi và tiếp nhận cái mới sẽ dễ dàng thích nghi với công nghệ như AI hơn.

### **Nhóm nhân tố tổ chức thông tin**

Nghiên cứu của Laudon & Laudon (2021) khẳng định rằng chất lượng hạ tầng thông tin, khả năng lưu trữ và phân tích dữ liệu là những yếu tố quyết định đến mức độ ứng dụng thành công các công nghệ thông minh. Nếu hệ thống thông tin kế toán không được chuẩn hóa, phân mảnh hoặc thiếu dữ liệu chất lượng, việc áp dụng AI sẽ gặp nhiều trở ngại về mặt kỹ thuật lẫn chi phí.

### **Nhóm nhân tố nguồn lực**

Nguồn lực trong nghiên cứu này được tiếp cận theo lý thuyết nguồn lực doanh nghiệp (Resource-Based View - Barney, 1991), bao gồm cả nguồn lực tài chính, nhân lực và công nghệ. Việc triển khai AI trong kế toán đòi hỏi đầu tư lớn vào phần mềm, phần cứng, dữ liệu, cũng như đào tạo nhân sự có kỹ năng phân tích dữ liệu và vận hành hệ thống AI.

### **Nhân tố hỗ trợ pháp lý**

Theo nghiên cứu của Scherer (2016), hệ thống pháp lý đóng vai trò như “bộ xương sống” trong việc điều tiết và đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và an toàn khi triển khai các hệ thống AI trong doanh nghiệp. Đặc biệt trong kế toán - một lĩnh vực yêu cầu cao về độ chính xác và tuân thủ - pháp luật còn góp phần xác lập các nguyên tắc về lưu trữ, xử lý và bảo mật dữ liệu kế toán khi chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số hóa sử dụng công nghệ thông minh.

## **2.2. Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam**

Trong vài năm gần đây, AI đã trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam. Theo khảo sát của Nguyễn Thị Hoàng Yến (2024), chỉ có khoảng 9,9% doanh nghiệp trên 101 doanh nghiệp được khảo sát đã triển khai sử dụng AI trong công tác kế toán. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp này đều nhận thức rõ tiềm năng và sẵn sàng đầu tư vào công nghệ trong tương lai gần.

Tại khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), mức đầu tư vào AI ngày càng tăng mạnh mẽ. Báo cáo của CPA Australia (2025) cho thấy 44 % SMEs Việt Nam xác định AI là công nghệ đầu tư chính trong năm 2024, tăng gấp đôi so với năm trước; đồng thời, 47% doanh nghiệp đã sử dụng AI để hỗ trợ đưa ra quyết định kinh doanh. Điều này đưa Việt Nam nhanh chóng tiếp cận ứng dụng AI trong kinh doanh. Các ứng dụng cụ thể của AI trong kế toán tại Việt Nam hiện nay bao gồm: Tự động nhập liệu và xử lý giao dịch tài chính thông qua OCR và NLP, giúp giảm đến 75% thời gian xử lý và giảm lỗi lên đến 98% (S4B Vietnam, 2023). Phân tích dữ liệu và dự báo dòng tiền, với độ chính xác tăng đến 90%. Tối ưu hóa quy trình kiểm toán và phát hiện gian lận, sử dụng AI để phát hiện các giao dịch bất thường nhanh gấp 3 lần so với phương pháp truyền thống.

Song song đó, các yếu tố thúc đẩy áp dụng AI trong ngành kế toán tại Việt Nam được các nghiên cứu khoa học chỉ ra rõ nét: Sẵn sàng về công nghệ (Technology Readiness) đóng vai trò quan trọng; theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Anh (2024), hệ số Beta của yếu tố này lên tới 0,277 và nó ảnh hưởng mạnh đến nhận thức về tiện ích và tính dễ dùng của AI. Hạ tầng công nghệ và chính sách hỗ trợ: Nghiên cứu từ Vo Van và cộng sự (2024) mở rộng mô hình TOE đã xác định thêm các yếu tố như độ ổn định hệ thống, văn hóa đổi mới, năng lực kế toán, vai trò của chính phủ và đào tạo lại là các nhân tố then chốt trong SMEs.

Tuy nhiên, thực trạng triển khai AI vẫn còn gặp nhiều thách thức không nhỏ: Chi phí đầu tư ban đầu cao, trong khi cơ sở hạ tầng công nghệ ở mức độ chưa đồng bộ; Thiếu hụt nguồn nhân lực có cả chuyên môn về công nghệ lẫn quy trình kế toán; Khó khăn về bảo mật dữ liệu, nhất là khi xử lý khối lượng lớn thông tin tài chính nhạy cảm; Thách thức về lòng tin vào công nghệ mới, các doanh nghiệp còn e ngại sai sót do AI sai lệch hoặc giả mạo kết quả.

Như vậy, AI trong kế toán Việt Nam đang trong giai đoạn tiềm năng cao nhưng mới chỉ ở bước đầu tiếp cận. Việc ứng dụng AI giúp giảm đáng kể khối lượng công việc thủ công, nâng độ chính xác và hiệu quả, nhưng đòi hỏi sự cân bằng

giữa đầu tư hạ tầng, đào tạo cán bộ và cải thiện chính sách hỗ trợ.

Dựa vào nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hậu và Lê Thị Bảo Như (2025) về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam được chấp nhận đăng trong Hội thảo khoa học quốc gia năm 2025 tại Trường Đại học Ngân hàng, để đánh giá thực trạng áp dụng AI trong kế toán tại Việt Nam, nhóm tác giả đã thực hiện khảo sát trên 326 đối tượng làm trong lĩnh vực kế toán, bao gồm kế toán viên, kiểm toán viên, kế toán trưởng và kế toán tổng hợp. Mẫu khảo sát phân bố rộng khắp các vùng miền, bao gồm cả doanh nghiệp lớn và vừa, nhỏ, phản ánh được tính đại diện cao.

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy tỷ lệ lớn các kế toán viên đã có nhận thức về AI và tiềm năng ứng dụng trong công việc. Tuy nhiên, chỉ một tỷ lệ nhỏ doanh nghiệp thực sự triển khai các giải pháp AI trong thực tiễn kế toán, chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có yếu tố nước ngoài. Nghiên cứu chỉ ra có 4 nhân tố (trong 5 nhân tố ban đầu đề xuất: Văn hóa tổ chức, tổ chức thông tin, áp lực cạnh tranh, hỗ trợ pháp lý, nguồn lực) ảnh hưởng việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam. Trong đó, nhân tố áp lực cạnh tranh (CP) có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc sử dụng AI trong ngành kế toán, tiếp theo là các nhân tố văn hóa tổ chức (OC) và tổ chức thông tin (CS) và cuối cùng là nhân tố nguồn lực (RE) có ảnh hưởng yếu nhất đến việc sử dụng AI trong ngành kế toán.

Tổng số mẫu được thu thập trong nghiên cứu là 326 người tham gia. Trong đó, tỷ lệ nam giới chiếm 24,5% và tỷ lệ nữ giới chiếm đến 75,5%. Sự khác biệt đáng kể về giới tính trong mẫu khảo sát này phản ánh đặc thù của ngành kế toán tại Việt Nam - một lĩnh vực mà lực lượng lao động chủ yếu là nữ giới. Về vị trí công việc, đối tượng khảo sát bao gồm đa dạng các chức danh trong lĩnh vực kế toán như kế toán viên, kiểm toán viên, kế toán trưởng và kế toán tổng hợp. Trong đó, nhóm kế toán viên chiếm tỷ lệ cao nhất với 89,9% tổng số người tham gia khảo sát. Xét về kinh nghiệm làm việc, nhóm có thâm niên từ 5 đến dưới 10 năm chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 43,9%, cho thấy đây

là lực lượng lao động có thời gian tích lũy kinh nghiệm vừa đủ để đánh giá một cách toàn diện về các nội dung khảo sát. Về trình độ chuyên môn, phần lớn người tham gia khảo sát có trình độ đại học chiếm 72,1% - điều này phản ánh yêu cầu về chuẩn hóa trình độ đào tạo trong ngành kế toán hiện nay. Xét theo độ tuổi, nhóm người dưới 30 tuổi là đối tượng chủ yếu tham gia khảo sát, chiếm 45,7%, cho thấy lực lượng kế toán trẻ đang chiếm ưu thế trong cơ cấu nhân sự hiện nay. Cuối cùng, xét theo loại hình doanh nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ là khu vực có tỷ lệ phản hồi cao nhất, với 91,1% tổng số mẫu, điều này cho thấy vai trò và sự phổ biến của loại hình doanh nghiệp này trong nền kinh tế, đồng thời cũng là môi trường làm việc chủ yếu của các đối tượng kế toán hiện nay.

Phương trình hồi quy theo hệ số Beta chuẩn hoá như sau:

$$Y = 0,837*CP + 0,103*OC + 0,094*CS + 0,064*RE$$

Trong các nhân tố tác động đến việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán thì nhân tố áp lực cạnh tranh có mức tác động cao nhất ( $\beta = 0,837$ ), tiếp theo là nhân tố văn hóa tổ chức ( $\beta = 0,103$ ), tổ chức thông tin ( $\beta = 0,094$ ) và cuối cùng là nhân tố nguồn lực ( $\beta = 0,064$ ).

Kết quả nghiên cứu cụ thể như sau:

Giả thuyết  $H_1$  cho rằng văn hóa tổ chức (OC) có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số  $\beta = 0,103$  với  $\text{sig} = 0,000 < 0,05$  nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết  $H_1$  văn hóa tổ chức có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán được chấp nhận. Văn hóa khuyến khích đổi mới, sẵn sàng chấp nhận rủi ro và học hỏi có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp nhận công nghệ AI.

Giả thuyết  $H_2$  cho rằng tổ chức thông tin (CS) có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số  $\beta = 0,094$  với  $\text{sig} = 0,000 < 0,05$  nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết  $H_2$  tổ chức thông tin có tác động cùng chiều với việc áp dụng

AI trong kế toán được chấp nhận. Khả năng giao tiếp nội bộ, chia sẻ thông tin và đề xuất sáng kiến công nghệ có ảnh hưởng tích cực đến quá trình ứng dụng AI.

Giả thuyết H<sub>3</sub> cho rằng áp lực cạnh tranh (CP) có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số  $\beta = 0,837$  với  $\text{sig} = 0,000 < 0,05$  nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H<sub>3</sub> áp lực cạnh tranh có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán được chấp nhận. Các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao có xu hướng ứng dụng AI mạnh mẽ hơn nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí.

Giả thuyết H<sub>4</sub> cho rằng hỗ trợ pháp lý (RS) có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán nhưng kết quả phân tích cho thấy không có ý nghĩa thống kê trong mô hình hồi quy ( $\text{Sig} = 0,600$ ), phản ánh thực tế rằng khung pháp lý cho AI trong kế toán tại Việt Nam còn thiếu rõ ràng và chưa tác động trực tiếp đến hành vi áp dụng công nghệ.

**Bảng 1. So sánh lợi ích và thách thức trong ứng dụng AI vào kế toán**

Yếu Tố	Lợi ích	Thách thức
Tăng cường tương tác	Phản hồi thời gian thực, cá nhân hóa học tập.	Giới hạn về khả năng hiểu ngữ cảnh, thiếu tương tác trực tiếp.
Tiết kiệm thời gian	Giảm tải công việc, cho phép tập trung vào các nhiệm vụ phức tạp.	Nguy cơ phụ thuộc quá mức vào công nghệ.
Phát hiện rủi ro, gian lận	Hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích số liệu tự động.	Yêu cầu bảo mật chặt chẽ và hạ tầng dữ liệu đầy đủ.

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Bảng trên cho thấy, dù các lợi ích của AI trong lĩnh vực kế toán là rất lớn, nhưng nếu không được triển khai đồng bộ và có chiến lược cụ thể, thách thức liên quan đến bảo mật, đào tạo và giám sát sẽ là rào cản không nhỏ đối với sự phát triển của công nghệ này. Vì vậy, cần có những giải pháp thiết thực để nâng cao hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán.

### 2.3.1. Nhóm giải pháp theo nhân tố áp lực cạnh tranh

Áp lực cạnh tranh trong bối cảnh chuyển đổi số đóng vai trò như một chất xúc tác mạnh mẽ, buộc doanh nghiệp và các tổ chức phải liên tục đổi mới nếu không muốn bị bỏ lại phía sau (Porter,

Giả thuyết H<sub>5</sub> cho rằng nguồn lực (RE) có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số  $\beta = 0,064$  với  $\text{sig} = 0,004 < 0,05$  nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H<sub>5</sub> nguồn lực có tác động cùng chiều với việc áp dụng AI trong kế toán được chấp nhận. Tức là doanh nghiệp có nguồn lực càng tốt thì việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán càng hiệu quả.

Ngoài ra, khảo sát cũng chỉ ra các rào cản lớn nhất bao gồm: Thiếu nhân lực có kỹ năng sử dụng AI trong kế toán, chi phí đầu tư ban đầu cao, thiếu nhận thức hoặc sự ủng hộ từ ban lãnh đạo, thiếu hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý và tổ chức nghề nghiệp.

### 2.3. Giải pháp nâng cao ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam

Dưới đây là bảng so sánh tổng hợp giữa các lợi ích và thách thức chính trong việc áp dụng AI vào kế toán:

1985). Riêng trong lĩnh vực kế toán, cạnh tranh không chỉ đến từ giá cả dịch vụ mà còn từ năng lực xử lý dữ liệu nhanh chóng, độ chính xác của báo cáo tài chính và đặc biệt là khả năng phân tích, dự báo tài chính phục vụ ra quyết định (Nguyễn & Trần, 2022). Khi các công nghệ như AI ngày càng phổ biến, việc ứng dụng AI trở thành một yêu cầu cấp thiết để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tổ chức kế toán.

Giải pháp đầu tiên là xác định rõ nhu cầu ứng dụng AI trong từng nghiệp vụ kế toán cụ thể. Cơ quan quản lý, tổ chức nghề nghiệp và bản thân doanh nghiệp cần tiến hành rà soát các quy trình hiện hành để nhận diện những hoạt động có thể gia tăng hiệu quả nhờ AI, chẳng hạn như xử lý hóa

đơn điện tử, kiểm toán nội bộ, phân tích biến động tài chính hay dự báo dòng tiền. Trong đó, vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội kế toán là rất quan trọng trong việc dẫn dắt toàn ngành cùng xác lập những lĩnh vực trọng điểm cần chuyển đổi. Việc xây dựng lộ trình rõ ràng về các nghiệp vụ ưu tiên sẽ giúp hội viên và doanh nghiệp không bị chệch hướng và dễ dàng theo kịp xu thế cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Tiếp theo, doanh nghiệp cần triển khai ứng dụng AI vào quy trình kế toán một cách có chiến lược và bài bản. Thay vì triển khai đồng loạt và phức tạp ngay từ đầu, doanh nghiệp nên lựa chọn phương án tiếp cận theo lộ trình, bắt đầu từ các nhiệm vụ đơn giản, mang tính lặp lại như nhập liệu, phân loại hóa đơn rồi dần dần mở rộng sang các chức năng cao cấp như dự báo tài chính hoặc tư vấn quản trị (Zhu, Kraemer, & Xu, 2006). Cách làm này không những giúp kiểm soát rủi ro kỹ thuật mà còn tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán học hỏi, làm quen dần với hệ thống mới. Ở góc độ quản lý, cơ quan nhà nước và tổ chức nghề nghiệp có thể đóng vai trò hỗ trợ bằng cách xây dựng các mô hình mẫu, ban hành chuẩn mực triển khai và cung cấp tài liệu hướng dẫn nhằm giúp các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, học tập và nhân rộng hiệu quả thực tiễn.

Cuối cùng, để đảm bảo AI phát huy tối đa giá trị, các bên liên quan cần thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả và cải tiến liên tục quá trình ứng dụng. Doanh nghiệp có thể thiết lập bộ chỉ số đo lường hiệu suất, KPI cho từng phân hệ AI được triển khai, từ đó kiểm soát chất lượng và hiệu quả đầu tư công nghệ. Đồng thời, cơ quan quản lý nên chủ động thu thập dữ liệu phản hồi từ thực tiễn triển khai, trên cơ sở đó điều chỉnh chính sách hỗ trợ hoặc yêu cầu tuân thủ kỹ thuật phù hợp hơn. Về phía tổ chức nghề nghiệp, cần định kỳ thực hiện nghiên cứu thực tiễn trong cộng đồng hội viên về hiệu quả và mức độ hài lòng khi sử dụng AI, qua đó điều chỉnh các chương trình đào tạo, hướng dẫn và tư vấn hành nghề một cách sát thực và kịp thời hơn.

### *2.3.2. Nhóm giải pháp theo nhân tố văn hóa tổ chức*

Văn hóa tổ chức là yếu tố cốt lõi quyết định mức độ sẵn sàng và khả năng thích ứng của doanh nghiệp cũng như cá nhân trong việc tiếp nhận và triển khai các công nghệ mới như AI (Tornatzky & Fleischer, 1990). Một tổ chức có văn hóa cởi mở, khuyến khích học hỏi, dám thay đổi và chấp nhận rủi ro trong đổi mới sáng tạo sẽ có lợi thế trong quá trình chuyển đổi số. Ngược lại, sự trì trệ trong tư duy, tâm lý ngại thay đổi hay thiếu niềm tin vào công nghệ sẽ cản trở mạnh mẽ hiệu quả ứng dụng AI, bất kể doanh nghiệp có đủ nguồn lực tài chính hay công nghệ.

Một trong những giải pháp quan trọng là đào tạo và nâng cao năng lực của nguồn nhân lực trong tổ chức. Ở cấp độ vĩ mô, cơ quan quản lý cần tích hợp các nội dung liên quan đến AI, khoa học dữ liệu và phân tích kế toán số vào chương trình đào tạo chính quy trong các trường đại học, cao đẳng. Việc này không chỉ giúp sinh viên có nền tảng vững chắc mà còn tạo ra lực lượng lao động kế toán chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghệ. Đồng thời, các tổ chức nghề nghiệp nên tổ chức các khóa học chuyên sâu, cập nhật kiến thức mới và cấp chứng chỉ hành nghề như “Chuyên gia AI trong kế toán” để thúc đẩy học tập suốt đời và tạo chuẩn mực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số. Ở cấp doanh nghiệp, cần có chính sách hỗ trợ đào tạo tại chỗ, đồng thời khuyến khích nhân viên tự học, thử nghiệm công nghệ mới và đóng góp sáng kiến cải tiến trong quá trình vận hành hệ thống kế toán.

Song song với việc đào tạo, cần chú trọng xây dựng chính sách bảo mật gắn liền với văn hóa trách nhiệm trong tổ chức. Trong bối cảnh dữ liệu kế toán là tài sản quan trọng và nhạy cảm, việc sử dụng AI đòi hỏi phải có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp rõ ràng. Các tổ chức nghề nghiệp cần chủ động ban hành và cập nhật bộ chuẩn đạo đức nghề nghiệp mới, trong đó nhấn mạnh nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, minh bạch trong xử lý thông tin và trách nhiệm giải trình khi sử dụng hệ thống AI. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thiết lập quy trình bảo mật nội bộ chặt chẽ, đảm bảo nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn thông tin, đồng thời từng bước xây dựng thói quen làm việc có trách nhiệm trong môi trường số. Về phía

nhà nước, việc ban hành khung pháp lý rõ ràng về sử dụng AI trong kế toán sẽ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý mà còn củng cố niềm tin và thúc đẩy sự chủ động của các tổ chức trong hành trình chuyển đổi số.

### *2.3.3. Nhóm giải pháp theo nhân tố tổ chức thông tin*

Thông tin đóng vai trò là đầu vào quan trọng và thiết yếu cho các hệ thống AI hoạt động. Khác với các hệ thống truyền thống, AI yêu cầu dữ liệu đầu vào phải có cấu trúc, chuẩn hóa, đầy đủ và được tổ chức khoa học để đảm bảo khả năng phân tích, học hỏi và đưa ra quyết định chính xác (Wang & Byrd, 2017). Do đó, việc tổ chức thông tin không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hiệu quả vận hành và khai thác giá trị của AI trong lĩnh vực kế toán.

Trước hết, cần thực hiện đánh giá tổng thể về hạ tầng công nghệ và dữ liệu trong toàn ngành kế toán. Cơ quan quản lý nhà nước nên chủ động tổ chức các đợt khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ và hiện trạng dữ liệu kế toán tại các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, cần xây dựng bộ chuẩn dữ liệu kế toán áp dụng thống nhất trên toàn ngành, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành một hệ sinh thái AI kế toán có tính tương tác và liên kết cao. Việc chuẩn hóa này sẽ giúp giảm chi phí tích hợp, nâng cao khả năng chia sẻ và kết nối dữ liệu giữa các hệ thống phần mềm.

Tiếp theo, bản thân các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu tích hợp với các giải pháp AI. Việc lựa chọn và triển khai các phần mềm hiện đại như MISA AI, Power BI hay các nền tảng phân tích dữ liệu lớn sẽ giúp doanh nghiệp tổ chức lại thông tin kế toán theo hướng số hóa, minh bạch và có thể khai thác hiệu quả bằng công nghệ AI. Quá trình đầu tư cần đi kèm với việc đào tạo nhân sự nhằm đảm bảo khả năng vận hành và khai thác công cụ một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán cũng cần đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn. Cụ thể, các hội nghề nghiệp như Hội Kế toán hoặc Hội Kiểm toán cần xây dựng bộ công cụ hướng dẫn hội viên tự đánh giá

hiện trạng hệ thống thông tin kế toán tại đơn vị mình, từ đó có cơ sở lựa chọn giải pháp phần mềm phù hợp với quy mô và năng lực công nghệ hiện tại. Việc này giúp tránh tình trạng đầu tư vượt quá khả năng sử dụng, đồng thời góp phần tạo dựng nhận thức và thói quen tổ chức dữ liệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

### *2.3.4. Nhóm giải pháp theo nhân tố nguồn lực*

Nguồn lực bao gồm ba yếu tố cơ bản: tài chính, con người và công nghệ. Đây là nền tảng thiết yếu để triển khai thành công các giải pháp ứng dụng AI trong kế toán. Tuy nhiên, trong thực tế, nguồn lực dù dồi dào nhưng nếu thiếu văn hóa đổi mới hoặc doanh nghiệp không đối mặt với áp lực cạnh tranh đủ lớn thì những nguồn lực này cũng không thể phát huy tối đa hiệu quả (Barney, 1991). Do đó, việc hoạch định và tổ chức sử dụng nguồn lực một cách thông minh, chiến lược và đồng bộ là điều kiện tiên quyết để ứng dụng AI thành công trong ngành kế toán Việt Nam.

Thứ nhất, cần có sự hỗ trợ từ Nhà nước để tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nên ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư, đặc biệt là các gói tín dụng ưu đãi, chính sách giảm thuế hoặc hỗ trợ lãi suất vay nhằm giúp doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có điều kiện nâng cấp hạ tầng công nghệ và triển khai hệ thống AI. Những ưu đãi này cần được thiết kế có chọn lọc, ưu tiên cho các doanh nghiệp có kế hoạch ứng dụng AI rõ ràng và có khả năng lan tỏa hiệu quả.

Thứ hai, doanh nghiệp cần tối ưu hóa việc đầu tư vào AI bằng cách áp dụng lộ trình triển khai theo từng giai đoạn. Việc này không chỉ giúp doanh nghiệp chủ động kiểm soát ngân sách mà còn cho phép đánh giá hiệu quả ở mỗi bước, từ đó có cơ sở để điều chỉnh hoặc mở rộng đầu tư hợp lý. Triển khai theo từng giai đoạn cũng giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro tài chính và đảm bảo rằng nguồn lực được phân bổ đúng thời điểm, đúng mục tiêu.

Thứ ba, cần đẩy mạnh cơ chế liên kết và chia sẻ nguồn lực giữa các bên liên quan trong hệ sinh thái kế toán - công nghệ. Các tổ chức nghề nghiệp như Hội Kế toán có thể đóng vai trò trung gian kết

nổi giữa doanh nghiệp với các nhà cung cấp công nghệ AI, từ đó giúp các doanh nghiệp tiếp cận giải pháp phù hợp với chi phí hợp lý hơn. Việc chia sẻ kinh nghiệm, phần mềm dùng chung hoặc mô hình triển khai mẫu cũng là cách giúp tiết kiệm nguồn lực và giảm thiểu rủi ro trong giai đoạn đầu tiếp cận công nghệ mới.

Việc phân loại và triển khai giải pháp theo 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng nêu trên giúp đảm bảo ứng dụng AI trong ngành kế toán Việt Nam đạt hiệu quả tối ưu, từ chiến lược cấp vĩ mô - quản lý nhà nước đến hành động cụ thể tại doanh nghiệp. Trong đó, áp lực cạnh tranh là động lực mạnh mẽ nhất, còn nguồn lực là điều kiện cần nhưng không đủ nếu thiếu định hướng chiến lược và tư duy đổi mới.

### 3. Kết luận

Bài viết đã phân tích và đề xuất hệ thống giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán theo bốn nhóm nhân tố: Áp lực cạnh tranh, văn hóa tổ chức, tổ chức thông tin và nguồn lực. Đóng góp mới của nghiên cứu nằm ở việc kết hợp góc nhìn liên ngành giữa kế toán - công nghệ để xây dựng khung giải pháp toàn diện, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp Việt Nam. Về lý luận, bài viết bổ sung cơ sở khoa học cho việc áp dụng AI trong kế toán dưới tác động của các yếu tố tổ chức. Về thực tiễn, các giải pháp được đề xuất có thể áp dụng linh hoạt tại doanh nghiệp và làm cơ sở cho cơ quan quản lý, tổ chức nghề nghiệp ban hành chính sách, hướng dẫn cụ thể. Đây là bước đi cần thiết nhằm thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả và bền vững trong ngành kế toán Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2023*.

Đỗ Thị Thu Thủy. (2021). Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo tới nghề kế toán. *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, 6, 92-97.

Nguyễn Hữu Phú & Hồ Thị Phi Yến. (2022). Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) và blockchain đến ngành nghề kế toán, kiểm toán trong tương lai. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*, 4(53), 90-94.

Nguyễn Thị Hoàng Yến. (2024). *Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác kế toán tại Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo.

Nguyễn, T. T., & Trần, V. A. (2022). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, (6), 34-39.

Nguyễn Thị Thu Hậu & Lê Thị Bảo Như. (2025). *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành kế toán tại Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Trường Đại học ngân hàng.

### TÀI LIỆU TIẾNG ANH

Alsheiabni, S., Cheung, Y., & Messom, C. (2019). Towards an Artificial Intelligence Maturity Model: From Science Fiction to Business Facts. *PACIS 2019 Proceedings*, 46.

Barney, J. (1991). *Firm resources and sustained competitive advantage*. Journal of Management, 17(1), 99-120. <https://doi.org/10.1177/014920639101700108>.

CPA Australia. (2025). *Vietnam's small businesses lead AsiaPacific in AI investment: Survey*. Tuoi Tre News.

Dwivedi, Y. K., Rana, N. P., Jeyaraj, A., Clement, M., & Williams, M. D. (2019). Re-examining the Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT): Towards a Revised Theoretical Model. *Information Systems Frontiers*, 21, 719-734.

- Ghura, H., & Harraf, A. (2021). How Will Artificial Intelligence Reshape the Future of Entrepreneurship and Economic Growth? *Foresight*, 23(5), 551-566.
- Jin, H., Jin, L., Qu, C., Fan, C., Liu, S., & Zhang, Y. (2022). The Impact of Artificial Intelligence on the Accounting Industry. *Proceedings of the 8th International Conference on Humanities and Social Science Research (ICHSSR 2022)*, 570-574.
- Laudon, K. C., & Laudon, J. P. (2021). *Management Information Systems: Managing the Digital Firm* (16th ed.). Pearson.
- Ma, Q., & Liu, L. (2004). The Technology Acceptance Model: A Meta-Analysis of Empirical Findings. *Journal of Organizational and End User Computing*, 16(1), 59-72.
- Maione, G., & Leoni, G. (2021). Artificial Intelligence and the Public Sector: The Case of Accounting. *Public Money & Management*, 41(2), 144-153.
- Mancini, D., Lombardi, R., & Tavana, M. (2021). Four research pathways for understanding the role of smart technologies in accounting. *Meditari Accountancy Research*, 29(5), 1041-1062.
- Nguyễn Thị Mai Anh. (2024). *The effect of technology readiness on adopting AI in accounting and auditing in Vietnam*. MDPI Finance Journal.
- Porter, M. E. (1985). *Competitive advantage: Creating and Sustaining Superior Performance*. Free Press.
- Rogers, E. M. (2003). *Diffusion of innovations* (5th ed.). Free Press.
- S4B Vietnam. (2023). *Application of AI in Vietnamese accounting services*. S4B Vietnam.
- Shalev-Shwartz, S., & Ben-David, S. (2014). *Understanding machine learning: From Theory to Algorithms*. Cambridge University Press.
- Scherer, M. U. (2016). *Regulating artificial intelligence systems: Risks, challenges, competencies, and strategies*. *Harvard Journal of Law & Technology*, 29(2), 353-400.
- Tornatzky, L. G., & Fleischer, M. (1990). *The processes of technological innovation*. Lexington Books.
- Uyar, A., & Kılıç, M. (2021). Exploring the factors affecting artificial intelligence adoption in accounting: Evidence from Turkey. *Journal of Enterprise Information Management*, 34(5), 1325-1341.
- Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User Acceptance of Information Technology: Toward a Unified View. *MIS Quarterly*, 27(3), 425-478.
- Vo Van, H., Abu Afifa, M., & Le Hoang Van, T. (2024). Factors determining the intention to use artificial intelligence in accounting in SMEs: evidence from Vietnam. *International Journal of Business Innovation and Research*.
- Wael, H. A., Abdallah, W., Ghura, H., & Buallay, A. (2023). Factors influencing artificial intelligence adoption in the accounting profession: The case of public sector in Kuwait. *Competitiveness Review*, 34(1), 3-27.
- Wang, N., & Byrd, T. A. (2017). Business analytics-enabled decision-making effectiveness through knowledge absorptive capacity in health care. *Journal of Knowledge Management*, 21(3), 517-539. <https://doi.org/10.1108/JKM-08-2016-0334>.
- Zhu, K., Kraemer, K. L., & Xu, S. (2006). The process of innovation assimilation by firms in different countries: A technology diffusion perspective on e-business. *Management Science*, 52(10), 1557-1576.